

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH CAO BẰNG

Số: **06** /CBA-NVDTPC
V/v triển khai chính sách thuế mới

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các Tổ chức, Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh,
Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời chính sách thuế để các tổ chức, doanh nghiệp và người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng biết và thực hiện, Thuế tỉnh Cao Bằng triển khai chính sách thuế mới như sau:

I. Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

- Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, gồm 9 chương, 53 điều.

- Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ quy định tại khoản 2 Điều 52.

- Quy định tại Điều 13 quy định Khai thuế, khoản thu khác; tính thuế, khoản thu khác; khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và việc sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 của Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14) có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026, trừ quy định tại Điều 51 quy định về xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

II. Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.

- Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, gồm 4 chương, 29 điều.

- Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29.

- Các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

- Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 48/2024/QH15, Luật số 56/2025/QH15, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 93/2025/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; riêng các quy định liên quan đến thu nhập

từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú hết hiệu lực thi hành từ kỳ tính thuế năm 2026.

III. Luật số 149/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội ban hành Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 359/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngày 15/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Việc xác định thời gian áp dụng trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí, ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ tại Nghị định này từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 hoặc từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp kỳ tính thuế năm 2025 của doanh nghiệp bắt đầu sau ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thì áp dụng từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

b) Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm c khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 3 Điều 12 của Nghị định này áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Nghị định này thay thế:

a) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định về thuế;

c) Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

d) Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

V. Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 360/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế:

a) Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Bãi bỏ quy định tại Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế.

VI. Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí.

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về khai, thu, nộp phí, lệ phí; quyết toán phí; quản lý và sử dụng phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp phí, lệ phí, quản lý và sử dụng phí.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

2.1. Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

2.2. Tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến khai, thu, nộp phí, lệ phí; quyết toán phí; quản lý và sử dụng phí.

3. Hiệu lực thi hành

3.1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3.2. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí hết hiệu lực thi hành kể từ Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP như sau:

“d) Người nộp phí nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước theo một trong các quy định sau đây:

Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước.

Nộp cho tổ chức thu phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí.

Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cơ quan, tổ chức nhận tiền phí có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP như sau:

“b) Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”

c) Bổ sung khoản 5 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP như sau:

“5. Tổ chức thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.”

d) Bãi bỏ Điều 8 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP; bãi bỏ nội dung “Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách số... của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước...” tại Mẫu số 02 và nội dung “Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách số... của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước...” tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

3.4. Bãi bỏ Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài và Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài.

VII. Nghị định số 02/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí.

Ngày 01/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 02/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

b) Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

c) Điều 3 Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật.

VIII. Thông tư của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026

1. Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

2. Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.

3. Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

4. Thông tư số 155/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông

5. Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế tỉnh Cao Bằng đăng tải toàn bộ nội dung các chính sách thuế mới trên Trang thông tin điện tử Thuế tỉnh Cao Bằng tại địa chỉ <http://caobang.gdt.gov.vn>.

Thuế tỉnh Cao Bằng thông báo đến người nộp thuế trên địa bàn biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các Tổ chức, DN và Người nộp thuế thuộc phòng QLDN (qua email);
- Các đơn vị sự nghiệp tỉnh CB (qua iOffice);
- Hiệp hội DN tỉnh CB;
- Hội DN trẻ tỉnh CB;
- Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh CB;
- CLB Doanh nghiệp, doanh nhân Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tỉnh Cao Bằng;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Các Phòng thuộc Thuế tỉnh;
- Các Thuế cơ sở tỉnh Cao Bằng (thông báo cho NNT thuộc Thuế cơ sở quản lý);
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (02).

TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Nguyễn Việt Long